

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K13XDD

TÊN HỌC PHẦN:

CƠ HỌC ĐẤT

HỌC KỲ

6

MÃ HỌC PHẦN :

MEC - 316

TÍN CHỈ

2

Ngày thi:

02/04/2010

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10			10				10	70	100			
1	111140268	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	K13XDD1	0			0				0	HP	0.0	Khăng		
2	112210274	NGUYỄN DUY	NHÂN	K13XDD1	8			6				8	5	5.7	Nằm pháy Baý		
3	112210324	NGUYỄN MINH	TRÍ	K13XDD1	0			0				0	HP	0.0	Khăng		
4	122210280	HỒ VĂN	LŨY	K13XDD1	6			6.5				8	1	2.8	Hai pháy Tầm		
5	122210316	ĐỖ BÁ	THIỆN	K13XDD1	8			7.5				5	4.5	5.2	Nằm pháy Hai		
6	122214411	LÊ XUÂN	LỘC	K13XDD1	8			6.5				8	4	5.1	Nằm pháy Mắu		
7	132214404	TRẦN PHƯỚC	ANH	K13XDD1	10			8.5				7.5	6	6.8	Sầu pháy Tầm		
8	132214405	HOÀNG ĐỨC	ẢNH	K13XDD1	6			7.5				8	V	0.0	Khăng		
9	132214409	TRƯƠNG NGUYỄN QUỐC	BẢO	K13XDD1	10			7.5				7.5	7.5	7.8	Baý pháy Tầm		
10	132214410	PHẠM THỊ	BÍCH	K13XDD1	10			8				7.5	8	8.2	Tầm pháy Hai		
11	132214417	PHAN XUÂN	CHIẾN	K13XDD1	10			6.5				7.5	4	5.2	Nằm pháy Hai		
12	132214418	NGUYỄN VĂN	CHINH	K13XDD1	10			7				7.5	8	8.1	Tầm pháy Mắu		
13	132214434	NGUYỄN VĂN	DŨNG	K13XDD1	8			7.5				7	5	5.8	Nằm pháy Tầm		
14	132214437	QUÁCH HOÀNG	DŨNG	K13XDD1	10			8.5				7.5	6.5	7.2	Baý pháy Hai		
15	132214443	NGUYỄN VĂN	HẢI	K13XDD1	10			7				7	8	8.0	Tầm		
16	132214448	HOÀNG TRUNG	HIỆU	K13XDD1	8			7.5				7.5	2.5	4.1	Bấu pháy Mắu		
17	132214451	NGUYỄN TIẾN	HƯNG	K13XDD1	6			7				7.5	6	6.3	Sầu pháy Ba		
18	132214454	PHAN VĂN	HOÀI	K13XDD1	8			8				7.5	6.5	6.9	Sầu pháy Chèn		
19	132214458	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	K13XDD1	10			8.5				8	4.5	5.8	Nằm pháy Tầm		
20	132214472	NGUYỄN CAO	HƯỚNG	K13XDD1	10			8				8	4	5.4	Nằm pháy Bấu		
21	132214478	NGUYỄN DUY	KHÁNH	K13XDD1	8			7				7.5	6.5	6.8	Sầu pháy Tầm		
22	132214487	VĂN CÔNG	LẬP	K13XDD1	10			7.5				8	6.5	7.1	Baý pháy Mắu		
23	132214492	NGUYỄN VIỆT	LONG	K13XDD1	8			6.5				7.5	5.5	6.1	Sầu pháy Mắu		
24	132214498	NGUYỄN KIM	MAU	K13XDD1	10			7				8	6.5	7.1	Baý pháy Mắu		
25	132214503	NGUYỄN XUÂN THÁI	NGỌC	K13XDD1	10			8				7	6	6.7	Sầu pháy Baý		
26	132214507	LÊ VĂN	NHÂN	K13XDD1	10			6				7.5	6	6.6	Sầu pháy Sầu		
27	132214508	NGUYỄN HỮU THÀNH	NHÂN	K13XDD1	6			6.5				7.5	2.5	3.8	Ba pháy Tầm		
28	132214514	NGUYỄN NGUYỄN	PHÁT	K13XDD1	10			7.5				8	5.5	6.4	Sầu pháy Bấu		
29	132214520	ĐẶNG VĂN BẢO	PHƯỚC	K13XDD1	10			8				7	2.5	4.3	Bấu pháy Ba		
30	132214524	ĐẶNG MINH	PHƯƠNG	K13XDD1	8			7				8	4	5.1	Nằm pháy Mắu		
31	132214529	LÊ	QUÂN	K13XDD1	5			7				8	2.5	3.8	Ba pháy Tầm		
32	132214535	NGUYỄN CÔNG	QUANG	K13XDD1	10			7				8	2.5	4.3	Bấu pháy Ba		
33	132214540	HỒ NGỌC	SẮC	K13XDD1	8			8				7.5	3	4.5	Bấu pháy Nằm		
34	132214543	HUỖNH LINH	SƠN	K13XDD1	8			7.5				7.5	4	5.1	Nằm pháy Mắu		
35	132214545	TRẦN BẢO	SƠN	K13XDD1	10			7				8	3	4.6	Bấu pháy Sầu		
36	132214550	TRƯƠNG ĐÌNH	TÂN	K13XDD1	8			7				8	4.5	5.5	Nằm pháy Nằm		
37	132214555	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	K13XDD1	10			7.5				7	4.5	5.6	Nằm pháy Sầu		
38	132214560	PHAN ĐÌNH	THÀNH	K13XDD1	8			7.5				7	5	5.8	Nằm pháy Tầm		
39	132214574	NGUYỄN	THƯƠNG	K13XDD1	10			8.5				7.5	4.5	5.8	Nằm pháy Tầm		
40	132214575	PHẠM MINH	TIẾP	K13XDD1	8			7				8	2.5	4.1	Bấu pháy Mắu		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K13XDD

TÊN HỌC PHẦN:

CƠ HỌC ĐẤT

HỌC KỲ

6

MÃ HỌC PHẦN :

MEC - 316

TÍN CHỈ

2

Ngày thi:

02/04/2010

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10			10				10	70	100			
41	132214581	NGUYỄN TIẾN TOÀN	K13XDD1	8			6.5				8	5	5.8	Nằm pháy Tầm			
42	132214587	VÔ CÔNG TRÚ	K13XDD1	6			6.5				8	4	4.9	Bấu pháy Chên			
43	132214592	MAI HOÀNG TRUNG	K13XDD1	8			7.5				8	4.5	5.5	Nằm pháy Nằm			
44	132214596	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	K13XDD1	10			6				8	6	6.6	Sầu pháy Sầu			
45	132214601	NGUYỄN KIM TUẤN	K13XDD1	10			8.5				8	4	5.5	Nằm pháy Nằm			
46	132214606	NGUYỄN TIẾN TÙNG	K13XDD1	5			8				8	2.5	3.9	Ba pháy Chên			
47	132214612	NGUYỄN XUÂN VÀNG	K13XDD1	10			7				8	3	4.6	Bấu pháy Sầu			
48	132214616	TRẦN HOÀNG VIỆT	K13XDD1	10			7.5				7.5	3	4.6	Bấu pháy Sầu			
49	132214620	TRẦN VĂN VINH	K13XDD1	10			7				8	4.5	5.7	Nằm pháy Báy			
50	132214624	NGUYỄN MINH VƯƠNG	K13XDD1	10			7				7.5	3.5	4.9	Bấu pháy Chên			
51	132214625	PHẠM XUÂN VƯƠNG	K13XDD1	10			7.5				8	1	3.3	Ba pháy Ba			
52	132214633	TRƯƠNG VIỆT LONG	K13XDD1	8			7.5				7.5	3	4.4	Bấu pháy Bấu			
53	112210240	LÊ BÁ CHIẾN	K13XDD2	10			7				7	2	3.8	Ba pháy Tầm			
54	112210280	LÊ THANH PHONG	K13XDD2	0			0				0	HP	0.0	Khăng			
55	132214402	BÙI TUẤN ANH	K13XDD2	10			8				7	3	4.6	Bấu pháy Sầu			
56	132214412	PHAN THANH BÌNH	K13XDD2	10			8.5				9	8.5	8.7	Tầm pháy Báy			
57	132214419	MAI DUY VIỆT CƯỜNG	K13XDD2	6			6.5				7	3	4.1	Bấu pháy Mất			
58	132214430	TRẦN ANH ĐỨC	K13XDD2	8			7.5				7	4	5.1	Nằm pháy Mất			
59	132214435	TRẦN VIỆT DŨNG	K13XDD2	5			7.5				7	3.5	4.4	Bấu pháy Bấu			
60	132214446	CAO HUY HIỂN	K13XDD2	10			7				7	8.5	8.4	Tầm pháy Bấu			
61	132214449	NGUYỄN VŨ VIỆT HIẾU	K13XDD2	10			6.5				7	4	5.2	Nằm pháy Hai			
62	132214455	CAO THANH HOÀN	K13XDD2	8			7				7	8	7.8	Báy pháy Tầm			
63	132214460	VĂN NGỌC HOÀNG	K13XDD2	10			7				7	8	8.0	Tầm			
64	132214465	NGUYỄN HỮU HÙNG	K13XDD2	10			8				7	5.5	6.4	Sầu pháy Bấu			
65	132214471	TRẦN XUÂN HƯNG	K13XDD2	10			7				7	6	6.6	Sầu pháy Sầu			
66	132214479	VÔ ĐÌNH KHÁNH	K13XDD2	10			7				8	8	8.1	Tầm pháy Mất			
67	132214483	HOÀNG KHUYNH	K13XDD2	10			7.5				8	5.5	6.4	Sầu pháy Bấu			
68	132214494	NGUYỄN THANH LUÂN	K13XDD2	10			8				8	8	8.2	Tầm pháy Hai			
69	132214499	TRẦN ĐÌNH DUY MINH	K13XDD2	10			7.5				8	6	6.8	Sầu pháy Tầm			
70	132214502	VŨ HOÀI NAM	K13XDD2	10			7.5				7	3.5	4.9	Bấu pháy Chên			
71	132214504	TRẦN NGỌC	K13XDD2	8			7				8	3	4.4	Bấu pháy Bấu			
72	132214515	NGUYỄN HÙNG PHI	K13XDD2	10			7				7	4	5.2	Nằm pháy Hai			
73	132214523	ĐẶNG NGỌC PHƯỚC	K13XDD2	10			7				7	2.5	4.2	Bấu pháy Hai			
74	132214530	NGUYỄN VĂN QUÂN	K13XDD2	6			5				8	2	3.3	Ba pháy Ba			
75	132214536	TRẦN ĐÌNH QUỐC	K13XDD2	8			7.5				8	1.5	3.4	Ba pháy Bấu			
76	132214541	LÊ MINH SANG	K13XDD2	10			8				8	4.5	5.8	Nằm pháy Tầm			
77	132214546	TRẦN QUỐC SƠN	K13XDD2	10			6				8	3.5	4.9	Bấu pháy Chên			
78	132214551	ĐẶNG VIỆT THÀNH	K13XDD2	10			8.5				8	6	6.9	Sầu pháy Chên			
79	132214554	LÊ HUY THẮNG	K13XDD2	10			6.5				7	8	8.0	Tầm			
80	132214556	NGUYỄN THỌ THẮNG	K13XDD2	8			6.5				7	4	5.0	Nằm			
81	132214558	HOÀNG KIM THÀNH	K13XDD2	10			7.5				7	5	6.0	Sầu			
82	132214565	NGUYỄN TRƯỜNG THIỆN	K13XDD2	10			6.5				7	4.5	5.5	Nằm pháy Nằm			
83	132214569	HUỲNH DUY THUẤN	K13XDD2	6			5				7	5	5.3	Nằm pháy Ba			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K13XDD

TÊN HỌC PHẦN:

CƠ HỌC ĐẤT

HỌC KỲ

6

MÃ HỌC PHẦN :

MEC - 316

TÍN CHỈ

2

Ngày thi:

02/04/2010

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10			10				10	70	100			
84	132214571	BÙI ĐÌNH	THỰC	K13XDD2	10			7				7	4.5	5.6	Nằm pháy Saù		
85	132214576	LÊ NHẬT	TÍNH	K13XDD2	8			7.5				7	3	4.4	Bấ pháy Bấ		
86	132214586	TRẦN DUY	TRINH	K13XDD2	5			7.5				7	3.5	4.4	Bấ pháy Bấ		
87	132214588	HOÀNG ĐÌNH	TRUNG	K13XDD2	10			7				8	6	6.7	Saù pháy Baý		
88	132214591	PHAN THANH	TRUNG	K13XDD2	5			6				7	2.5	3.6	Ba pháy Saù		
89	132214593	LÊ MẠNH	TRƯỜNG	K13XDD2	8			7				8	5.5	6.2	Saù pháy Hai		
90	132214597	NGUYỄN HỮU	TÚ	K13XDD2	10			7				7	6.5	7.0	Baý		
91	132214602	PHẠM THANH	TUẤN	K13XDD2	8			6				8	4	5.0	Nằm		
92	132214607	TRẦN SƠN	TÙNG	K13XDD2	10			8.5				8	4	5.5	Nằm pháy Nằm		
93	132214613	NGÔ THÀNH	VIÊN	K13XDD2	8			7.5				7	5	5.8	Nằm pháy Tằm		
94	132214619	PHAN QUANG	VINH	K13XDD2	10			7				7	2.5	4.2	Bấ pháy Hai		
95	132214621	ĐỖ ANH	VŨ	K13XDD2	10			7				7	2.5	4.2	Bấ pháy Hai		
96	132214626	DƯƠNG LÊ	VƯƠNG	K13XDD2	10			7				7	3.5	4.9	Bấ pháy Chên		
97	132214629	NGUYỄN THÁI	NGUYỄN	K13XDD2	10			7.5				7	2	3.9	Ba pháy Chên		
98	132214637	HỒ THÀNH	TRUNG	K13XDD2	10			7				7	3	4.5	Bấ pháy Nằm		
1	8412	NGUYỄN XUÂN	HOÀNG	K10XC	6			5				5	1.5	3.0	Ba		
2	8430	NGUYỄN NHO	MINH	K11XC1	0			0				8	2	2.0	Hai		
3	0457	VÕ MINH	TẤN	K11XC2	10			6.5				7	2	4.0	Bấ		
4	8388	PHAN HỒNG	ANH	K9XC	8			0				7	4.5	5.0	Nằm		
5	0316	PHẠM VĂN	LÂM	T13XDC1	8			8				7	4	5.1	Nằm pháy Mắ		
6	0321	LÊ VĂN	PHÚC	T13XDC1	10			8				7	4	5.3	Nằm pháy Ba		
7	0324	NGUYỄN TIẾN	SĨ	T13XDC1	10			8				7	3	4.6	Bấ pháy Saù		
8	0339	NGUYỄN NGÔ HOÀI	BẮC	T13XDC1	8			6				7	2	3.5	Ba pháy Nằm		
9	0352	NGUYỄN NGÔ	KHÔI	T13XDC1	10			7				7	2.5	4.2	Bấ pháy Hai		
10	0365	NGUYỄN	THANH	T13XDC1	8			8				7	4.5	5.5	Nằm pháy Nằm		
11	0371	VÕ ĐẠI	TUẤN	T13XDC1	8			8				7	3.5	4.8	Bấ pháy Tằm		
12	0380	NGUYỄN LÊ TRUNG	HIỆU	T13XDC1	7			8				5	4.5	5.2	Nằm pháy Hai		
13	0387	LÊ NHO	TRUNG	T13XDC1	8			5				7	4	4.8	Bấ pháy Tằm		
14	0388	PHAN QUANG	THỊNH	T13XDC1	8			6				7	4	4.9	Bấ pháy Chên		
15	0319	PHẠM NGỌC HÀ	NY	T13XDC2	10			7				7	4	5.2	Nằm pháy Hai		
16	0327	ĐÀM QUỐC	THẮNG	T13XDC2	8			7				7	2.5	4.0	Bấ		
17	0333	NGUYỄN KHẮC	TÚ	T13XDC2	10			7				7	4.5	5.6	Nằm pháy Saù		
18	0344	PHẠM QUANG	ĐẠO	T13XDC2	10			7				7	4.5	5.6	Nằm pháy Saù		
19	0346	TRẦN TRƯỜNG	GIANG	T13XDC2	8			5				7	4	4.8	Bấ pháy Tằm		
20	0348	HỒ QUANG VŨ	HOÀNG	T13XDC2	8			8				7	4	5.1	Nằm pháy Mắ		
21	0368	TRẦN NIÊM	TIN	T13XDC2	5			8			0	2.5	3.1	Ba pháy Mắ			
22	0370	NGUYỄN THANH	TRIỀU	T13XDC2	8			7				7	3.5	4.7	Bấ pháy Baý		
23	0372	DƯƠNG ANH	VI	T13XDC2	10			7				7	4	5.2	Nằm pháy Hai		
24	0373	NGUYỄN HỮU	VIÊN	T13XDC2	8			7				7	4.5	5.4	Nằm pháy Bấ		
25	0378	ĐÀO NGUYỄN	HƯNG	T13XDC2	8			7				7	4	5.0	Nằm		
26	0386	NGUYỄN THÁI	SƠN	T13XDC2	10			8				7	4	5.3	Nằm pháy Ba		
27	0176	PHAN QUANG	DŨNG	T13XDD3	10			7				8	4	5.3	Nằm pháy Ba		
28	0233	NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	T13XDD3	8			8				6	4	5.0	Nằm		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOA K13XDD

TÊN HỌC PHẦN: CƠ HỌC ĐẤT
MÃ HỌC PHẦN : MEC - 316

HỌC KỲ 6
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 02/04/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
				10			10				10	70	100		
29	0173	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	T14XDD2	8			7				7	4	5.0	Nam	
30	0186	VÕ ĐỨC HẠNH	T14XDD2	8			7				7	3	4.3	Bất pháp Ba	

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 04 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Huỳnh Ngọc Hào

Nguyễn Ân